TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/HCPT
Ngày: 13/01/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;

Ông Đặng Văn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 238/2019/TLPT-HC ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 66/2019/HC-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự sau:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Hồng M (Nguyễn Thị M), sinh năm 1944, trú tại: Số 4, ngõ 437 đường Đ, tổ dân phố T, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội; có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1947; trú tại: Số 10, ngõ 437 đường Đ, tổ dân phố T, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2018), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Thị T - Công ty luật TNHH A, thuộc thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận N, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Công Phương K - Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường (Văn bản ủy quyền số 1055/UQ-UBND ngày 14/8/2018-BL123), vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Công ty cổ phần đầu tư địa ốc AK; trụ sở: Tầng 1, Tòa nhà HH3, khu đô thị chức năng Đ, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn S - Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Việt H1 và bà Nguyễn Thị Kim X (Văn bản ủy quyền số 01/GUQ-CTHĐQT ngày 09/01/2020). Bà X có mặt.

- Ông Nguyễn Quý N1, sinh năm 1940; anh Nguyễn Quý S1, sinh năm 1971; anh Nguyễn Quý L1, sinh năm 1976 và anh Nguyễn Quý M1, sinh năm 1981; cùng trú tại: Tổ dân phố T, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N1, anh S1, anh L1 và anh M1: Bà Nguyễn Thị Hồng M (Văn bản ủy quyền ngày 24/5/2017), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Hồng M trình bày:

Gia đình bà Nguyễn Thị Hồng M sử dụng diện tích 140m^2 đất nông nghiệp tại phường Đ, quận N, Hà Nội và ngày 15/10/1997 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên. Ngày 21/3/2014, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2251/QĐ-UBND về việc thu hồi 140m^2 đất nông nghiệp trên để thực hiện dự án xây dựng khu chức năng đô thị Đ - giai đoạn 1, chủ dự án là Công ty cổ phần đầu tư địa ốc AK thuộc Công ty cổ phần tập đoàn F. Ngày 28/3/2014, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2743/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết. Theo quyết định, gia đình bà M được bồi thường, hỗ trợ về đất là 136.080.000 đồng. Hộ gia đình bà M đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án. Không đồng ý với các quyết định nêu trên, ngày 05/12/2016 bà Nguyễn Thị Hồng M khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất và hủy Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; yêu cầu Ủy ban nhân dân quận N, Hà Nội thực hiện hành vi hành chính theo đúng quy định của pháp luật về thu hồi đất để đền bù, hỗ trợ cho hộ gia đình bà M, bà yêu cầu mức bồi thường hỗ trợ thấp nhất là 10.000.000 đồng/1m^2.

Lý do khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng M như sau:

Bà M không đồng ý với số tiền mà Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ đầu tư dự án đã bồi thường hỗ trợ về đất. Dự án xây dựng khu chức năng đô thị Đ là dự án xây dựng khu đô thị với mục đích thương mại, kinh doanh để thu lợi nhuận, không thuộc trường hợp Nhà nước phải ra quyết định thu hồi đất, không phải ra quyết định thu hồi đất đồng nghĩa với việc không phải ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường. Việc ban hành các quyết định trên là việc làm cưỡng ép từ phía chính quyền đối với người sử dụng đất. Việc bồi thường là việc thỏa thuận giữa chủ đầu tư với người sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện T (nay là quận N) ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường là trái với quy định của pháp luật.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hà Nội do ông Trần Thanh L2 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận trình bày:

Cơ sở pháp lý để xác định dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai năm 2003: Theo quy định tại Điều 38, Điều 39 Luật đất đai năm 2003; điểm đ khoản 1 Điều 36 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ: Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp sử dụng đất để chỉnh trang, phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn. Khoản 3 Điều 36 Nghị định 181 quy định: Tất cả các trường hợp thu hồi đất quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đều phải nằm trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết; quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dụng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Như vậy, dự án Khu chức năng đô thị Đ là dự án phát triển đô thị thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất đã được Uỷ ban nhân dân thành phố chấp thuận địa điểm tại Văn bản số 5232/UBND-KH&ĐT ngày 13/7/2010 cho Công ty cổ phần đầu tư AMDI nghiên cứu lập và thực hiện dự án. Ngày 06/7/2011, Uỷ ban nhân dân huyện T có Quyết định số 5979/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị Đ. Ngày 18/5/2011, Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội có Văn bản số 4859/UBND-KH&ĐT ngày 25/6/2012 về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu chức năng đô thị Đ - Giai đoạn 1 tại xã Đ, huyện T.

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Khoản 3 Điều 9 Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và làm nhà ở nông thôn tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố. Ngày 07/11/2011, Uỷ ban nhân dân huyện T ban hành Thông báo số 591/TB-UBND về việc sẽ thu hồi đất tại xã Đ để thực hiện dự án xây dựng Khu chức năng đô thị Đ tại xã Đ, huyện T. Việc ban hành Quyết định thu hồi đất căn cứ: Tại Phiếu xác nhận nguồn gốc đất ngày 13/11/2013 và Phiếu xác nhận nhân khẩu của hộ gia đình có đất trong phạm vi dự án của Uỷ

ban nhân dân xã Đ đã xác nhận diện tích 140m^2 là đất nông nghiệp của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng M, đã được Uỷ ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0360/QSDĐ ngày 15/10/1997. Ngày 21/3/2014, Uỷ ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số 2251/QĐ-UBND về việc thu hồi 140m^2 đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 372, Tờ bản đồ số 18 xã Đ do hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng M sử dụng. Ngày 28/3/2014, Uỷ ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số 2743/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết, cụ thể: Bồi thường, hỗ trợ về đất 136.500.000 đồng; Bồi thường, hỗ trợ về tài sản là 12.485.000 đồng. Tổng cộng là 148.985.000 đồng. Ngày 31/3/2014, bà Nguyễn Thị Hồng M là đại diện hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư. Đến nay, Công ty cổ phần đầu tư địa ốc AK đã được Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội giao 47.313,5m^2 (trong đó tại Quyết định số 5732/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 diện tích là 47.201m^2 và Quyết định số 7076/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 diện tích là 112,5m^2).

Từ những căn cứ trên, việc Uỷ ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 về việc thu hồi đất và Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, việc bà Nguyễn Thị Hồng M khởi kiện yêu cầu hủy 02 quyết định trên là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Uỷ ban nhân dân phường Đ, quận N, Hà Nội do ông Nguyễn Viết H - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường trình bày: Việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất nông nghiệp và nhân khẩu sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng M tại dự án Khu chức năng đô thị Đ, quận N, Hà Nội là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần đầu tư địa ốc AK do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Quyết định số 2251/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng M (Nguyễn Thị M) được Uỷ ban nhân dân huyện T (nay là Uỷ ban nhân dân quận N) ban hành ngày 21/3/2014. Quyết định số 2743/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình bà M đã được Uỷ ban nhân dân huyện T ban hành ngày 28/3/2014. Ngày 31/3/2014, hộ gia đình bà M đã nhận toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định về phương án bồi thường, hỗ trợ được duyệt. Đến ngày 14/11/2016, bà M mới có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Như vậy đã hết thời hiệu 01 năm để bà M khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ cũng như hành vi hành chính liên quan, đề nghị Tòa án căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính năm 2015 ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng M. Tại Đơn khởi kiện và các văn bản trình bày ý kiến, bà M cho rằng dự án xây dựng Khu chức năng đô thị Đ không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ mà Chủ đầu

tư bắt buộc phải thỏa thuận với người dân để thống nhất mức bồi thường. Quan điểm của bà M đưa ra là không có căn cứ và không phù hợp với quy định pháp luật, cụ thể như sau: Khoản 2 Điều 34 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai, đã quy định cụ thể về trường hợp Nhà nước thu hồi đất, theo đó: "*Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án khu dân cư (bao gồm dự án hạ tầng khu dân cư và dự án nhà ở), trung tâm thương mại, khách sạn cao cấp…*". Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 3 Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội về thu hồi, giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện các dự án đầu tư quy định: "*Những trường hợp Nhà nước ra Quyết định thu hồi đất để giao đất, cho thuê đất thực hiện các dự án đầu tư: Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế, gồm: Sử dụng đất để thực hiện các dự án khu dân cư, trung tâm thương mại, khách sạn cao cấp*". Theo Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 do Uỷ ban nhân dân huyện T ban hành ngày 06/7/2011 và Quyết định chấp thuận đầu tư dự án do Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ngày 25/6/2012, dự án Khu chức năng đô thị Đ là dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư và dự án nhà ở. Như vậy, dự án Khu chức năng đô thị Đ thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất và tổ chức bồi thường, hỗ trợ theo quy định dẫn chiếu nêu trên. Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng M là không có căn cứ và không phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2019/HC-ST ngày 18/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng M về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 về việc thu hồi đất và Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết của Uỷ ban nhân dân huyện T, Hà Nội (Uỷ ban nhân dân quận N, Hà Nội).

- Không chấp nhận yêu cầu bồi thường về đất 10.000.000 đồng/1m^2 x 140m^2 = 1.400.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Hồng M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/6/2019, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Hồng M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Hồng M, người đại diện theo ủy quyền của bà M và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà M trình bày dự án Khu chức năng đô thị Đ là dự án thương mại nên chủ đầu tư phải thỏa thuận với người có đất bị thu hồi và cho rằng cùng một dự án, nhưng giá bồi

thường thu hồi đất khác nhau để yêu cầu chấp nhận kháng cáo của bà M, hủy quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là Ủy ban nhân dân quận N).

Đại diện Công ty cổ phần đầu tư địa ốc AK trình bày dự án trên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất, không phải là dự án thương mại nên không thuộc trường hợp chủ đầu tư phải thỏa thuận về giá bồi thường với người có đất bị thu hồi. Hộ gia đình bà M đã ký nhận tiền và giao đất cho dự án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận N không có kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Các đương sự có mặt tham gia phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân quận N. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử.

[1.2] Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính:

Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm về việc thu hồi đất và Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là quận N) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện:

Quyết định số 2251/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất được ban hành ngày 21/3/2014 và Quyết định số 2743/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết được ban hành ngày 28/3/2014. Hộ gia đình bà M đã nhận được, biết được các quyết định hành chính nêu trên và ngày 31/3/2014 hộ gia đình bà M đã nhận

toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ theo quyết định về phương án bồi thường, hỗ trợ được duyệt (BL61,128).

Tại Thông báo số 45/TB-UBND ngày 29/01/2016 của Ủy ban nhân dân quận N về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại đối với 56 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có bà M) tại dự án xây dựng khu chức năng đô thị Đ có nội dung thể hiện: Ngày 28/12/2015, các hộ gia đình, cá nhân (56 hộ gia đình, cá nhân) trong đó có bà Nguyễn Thị Hồng M mới gửi đơn đến Ủy ban nhân dân quận N khiếu nại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng Khu chức năng đô thị Đ. Ngày 29/01/2016, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Thông báo số 45/TB-UBND nêu trên, không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại với lý do đã quá thời hiệu để giải quyết theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại (BL168-169). Ngày 14/11/2016, bà Nguyễn Thị Hồng M có đơn khởi kiện.

Như vậy, tính từ thời điểm bà M nhận, biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính đến thời điểm có đơn khởi kiện là hơn 02 năm. Thông báo số 45/TB-UBND ngày 29/01/2016 của Ủy ban nhân dân quận N chỉ có nội dung thông báo không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại, không chứa đựng nội dung giải quyết khiếu nại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Thông báo này để thụ lý giải quyết và xác định yêu cầu khởi kiện của bà M nằm trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính là chưa chính xác.

[1.4] Đơn kháng cáo của đương sự:

Ngày 20/6/2019, bà Nguyễn Thị Hồng M có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật tố tụng hành chính và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng M không đồng ý với bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất và Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết được thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Về nội dung của các quyết định:

Dự án xây dựng Khu chức năng đô thị Đ là dự án phát triển đô thị đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận địa điểm tại Văn bản số 5232/UBND-KH&ĐT ngày 13/7/2010 (BL101) nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất. Ngày 06/7/2011, Ủy ban nhân dân huyện T có Quyết định số 5979/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị Đ (BL94). Ngày 25/6/2012, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có Văn bản số 4859/UBND-KH&ĐT về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu chức năng đô thị Đ - Giai đoạn 1 tại xã Đ, huyện T.

Trên cơ sở các văn bản này, ngày 21/3/2014 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2251/QĐ-UBND về việc thu hồi 140m^2 đất nông nghiệp của hộ gia đình bà M. Ngày 28/3/2014, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2743/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình bà M để thực hiện dự án xây dựng Khu chức năng đô thị Đ.

Xét Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi 140m^2 đất nông nghiệp của hộ gia đình bà M, thấy: Trên cơ sở Thông báo thu hồi đất, biên bản điều tra hiện trạng, xác minh nội dung kê khai đất của Tổ công tác Hội đồng bồi thường (BL82); phiếu xác nhận nguồn gốc sử dụng đất và phiếu xác nhận nhân khẩu, hộ khẩu của hộ gia đình bà M của Ủy ban nhân dân xã Đ (BL71,71); Bản tự kê khai đất đai, tài sản trong chỉ giới thu hồi của bà M (BL80) và Tờ trình về việc đề nghị ra quyết định thu hồi đất nông nghiệp tại xã Đ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu chức năng đô thị Đ của Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện T (BL69). Ủy ban nhân dân huyện T xác định hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng M là chủ sử dụng 140m^2 đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 372, Tờ bản đồ số 18 xã Đ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/10/1997 để ban hành Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi 140m^2 đất nông nghiệp của hộ gia đình bà M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình bà M: Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; khoản 3 Điều 9 Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và làm nhà ở nông thôn tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội. Ngày 07/11/2011, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Thông báo số 591/TB-UBND về việc sẽ thu hồi đất tại xã Đ để thực hiện dự án xây dựng Khu chức năng đô thị Đ tại xã Đ, huyện T. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện T đã thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư và Tổ công tác giải phóng mặt bằng để tiến hành điều tra, đo đạc, khảo sát đất đai, nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất của các hộ gia đình, cá nhân có

đất bị thu hồi trong đó có hộ gia đình bà M (BL82); niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và lấy ý kiến của các hộ dân theo quy định của Nhà nước; Ủy ban nhân dân xã Đ có văn bản xác nhận về diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà M là 140m^2, chiếm 21% tổng diện tích thực tế đang sử dụng là 664m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL72) để ban hành Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình bà M là đúng quy định của pháp luật. Ngày 31/3/2014, bà M đại diện hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ với tổng số tiền là 148.895.000đ, trong đó 136.500.000đ bồi thường, hỗ trợ về đất và 12.485.000đ bồi thường, hỗ trợ về tài sản và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư dự án theo quy định.

Việc bà M cho rằng dự án xây dựng Khu chức năng đô thị Đ là dự án xây dựng khu đô thị với mục đích kinh doanh thương mại để thu lợi nhuận, không thuộc trường hợp Nhà nước phải ra quyết định thu hồi đất và chủ đầu tư phải thỏa thuận về giá bồi thường với người có đất bị thu hồi để yêu cầu được bồi thường với giá thấp nhất là 10.000.000đ/m^2. Tuy nhiên, như đã phân tích nêu trên và căn cứ quy định tại Điều 13 Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội thì khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định ban hành hàng năm. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện T căn cứ Bảng giá đất nông nghiệp tại địa bàn phường Đ (bên hữu sông Nhuệ) do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành để áp dụng tính bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của hộ gia đình bà M là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà M.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót về tố tụng (xác định không đúng thời hiệu khởi kiện), nhưng không làm thay đổi nội dung quyết định hành chính và bản chất của vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành và nội dung của các quyết định bị khởi kiện để bác yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong quá trình xem xét thụ lý, giải quyết vụ án hành chính. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng M.

Về án phí: Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH thì bà Nguyễn Thị Hồng M là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng M; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2019/HC-ST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Áp dụng Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 98 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Điều 38, Điều 39, Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng M về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất và Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là Ủy ban nhân dân quận N), thành phố Hà Nội.

- Không chấp nhận yêu cầu bồi thường về đất 10.000.000đ/1m^2 x 140m^2 = 1.400.000.000đ của bà Nguyễn Thị Hồng M.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng M không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND thành phố Hà Nội;*
- *Chi cục THADS tp Hà Nội;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh